

Số: *12* /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *12* tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 giữa Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *15* tháng 3 năm 2021 và thay thế Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..sm

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Đài PTTH Thái Nguyên, Báo Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 15-03-2021 11:05:15
+07:00

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ CÁP VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số *14*/2021/QĐ-UBND ngày *14* tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, kỹ thuật, kế hoạch, sắp xếp, chỉnh trang, hạ ngầm và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước gồm: Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý cáp viễn thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cáp viễn thông: Là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (*cáp truyền hình*) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cáp thuê bao: Là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, tủ cáp, hồ cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao.

3. Cáp treo: Là cáp viễn thông để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.

4. Cáp ngầm: Là cáp viễn thông được chế tạo để chôn trực tiếp trong đất hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm.

5. Cáp phối: Là cáp viễn thông nối giữa các tủ cáp hoặc cáp nối từ tủ cáp tới các hộp cáp. Cáp phối còn gọi là cáp ngọn hay cáp thứ cấp.

6. Cáp chính: Là đoạn cáp viễn thông từ giá đấu dây (MDF/DDF) tới tủ cáp, hộp cáp, măng sông rẽ nhánh đầu tiên. Cáp chính còn gọi là cáp gốc, cáp sơ cấp.

7. Cơ sở hạ tầng viễn thông: Là tập hợp các thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, mạng viễn thông và các công trình viễn thông.

8. Công trình cáp viễn thông: Là các công trình sử dụng cáp viễn thông (*cáp đồng, cáp quang,...*) đi treo, đi ngầm (*chôn trực tiếp hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm*).

9. Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông: Bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm.

10. Hạ tầng kỹ thuật ngầm (*bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuy nèn kỹ thuật*): Là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp.

11. Măng sông cáp: Là phụ kiện dùng để nối liền cáp, bảo đảm kín nước. Măng sông cáp có nhiều hình dạng khác nhau, có hai hoặc nhiều đầu nối.

12. Tủ cáp: Một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối.

13. Hộp cáp: Một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc nhựa polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối hoặc cáp phối cấp 1 và cáp phối cấp 2 hoặc kết nối dây thuê bao giữa tủ cáp và nhà thuê bao.

14. Cột treo cáp: Là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông.

15. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Là các công trình xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp; cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; đường hầm bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông

1. Việc quản lý cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc dùng chung cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông.

3. Khuyến khích các tổ chức khai thác dịch vụ dùng chung cáp viễn thông. Từng bước xây dựng lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Khi phát triển mạng lưới viễn thông tại các tuyến đường mới trong khu đô thị, khu dân cư mới phải thực hiện xây dựng ngầm 100% mạng cáp, tuân thủ nguyên tắc an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị.

Chương II

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH CÁP VIỄN THÔNG

Điều 5. Điều kiện lắp đặt đối với cáp treo

1. Cáp viễn thông treo phải thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT (*sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT*) ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cáp viễn thông không được kéo treo trong các trường hợp sau:

a) Cắm treo mới cáp viễn thông những tuyến đã quy hoạch ngầm hóa.

b) Dung lượng cáp viễn thông hiện có của tổ chức sở hữu trên các tuyến đường vẫn còn đáp ứng khả năng phát triển dịch vụ hoặc nhu cầu sử dụng. Tổng số lượng cáp một tổ chức treo trên một tuyến vượt quá 04 sợi cáp.

c) Vượt đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70 m và các đường trọng điểm theo quy định.

d) Chưa có thỏa thuận dùng chung với tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp.

đ) Các đoạn hoặc tuyến đường có khoảng cách giữa các cột treo cáp lớn hơn 70 m.

e) Không treo cáp tại các tuyến đường mới tại các khu dân cư, đô thị.

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

1. Cáp viễn thông trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải được lắp đặt tuân thủ yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Không đi cáp viễn thông ngầm trong lòng mương, cống thoát nước. Trong quá trình thi công không làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng và cây xanh hiện có.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu

Tủ cáp, hộp cáp phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33: 2019/BTTTT.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Cáp thuê bao (*treo hoặc ngầm*) phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33: 2019/BTTTT.

2. Cáp thuê bao nội phải kéo thẳng, bó gọn với độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao không quá 200m ở địa bàn phường, thị trấn; không quá 500m ở địa bàn các xã.

3. Trên cùng một tuyến, mỗi tổ chức đi không quá 05 cáp thuê bao, trường hợp nhiều hơn 05 cáp thuê bao phải thay bằng cáp có dung lượng lớn hơn.

Chương III

KẾ HOẠCH LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG

Điều 9. Xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông

1. Các tổ chức viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông hàng quý, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý, theo dõi.

2. Thời gian gửi kế hoạch lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông trước ngày 15 của tháng liền kề trước quý.

3. Nội dung kế hoạch bao gồm: Tên tuyến cáp, loại cáp, điểm đầu, điểm cuối, dự kiến thời gian lắp đặt.

4. Trước khi lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông 7 ngày làm việc, tổ chức viễn thông gửi thông báo về bản vẽ thiết kế tổng thể và chi tiết về tuyến cáp viễn thông đến Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện tuyến cáp đi qua để theo dõi và quản lý.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông tại các quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến phố chính.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông tại các khu vực còn lại.

Chương IV

SẮP XẾP, CHỈNH TRANG VÀ HẠ NGÀM CÁP VIỄN THÔNG

Điều 11. Nội dung sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông treo hiện có

1. Thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông phải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Tổ chức sở hữu cáp viễn thông rà soát, thống kê cáp hiện có.

3. Thay thế nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn.

4. Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ cáp, hộp cáp kém chất lượng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị.

5. Kéo căng, bó gọn cáp viễn thông treo.
6. Treo thẻ sở hữu cáp và thẻ báo độ cao cáp.
7. Từng bước ngâm hóa cáp viễn thông treo hiện có.

Điều 12. Triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông treo hiện có

1. Việc sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông thực hiện đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông và các quy định hiện hành.

2. Căn cứ theo Kế hoạch chỉnh trang sắp xếp cáp viễn thông do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, các tổ chức sở hữu cột treo cáp và tổ chức sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai theo Kế hoạch.

3. Cáp viễn thông và các thành phần liên quan công trình cáp viễn thông không sử dụng, không xác định được tổ chức sở hữu, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và hạ ngầm đúng thời gian sẽ bị thu hồi và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 13. Triển khai hạ ngầm cáp viễn thông hiện có

1. Các tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp và tổ chức sở hữu cáp viễn thông rà soát, xây dựng phương án hạ ngầm cáp viễn thông treo (*cả cáp thuê bao*) và trình các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì lựa chọn phương án hạ ngầm cáp viễn thông cho từng tuyến đường, lấy ý kiến của Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng và UBND cấp huyện về xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm để hạ ngầm cáp viễn thông hiện có.

3. Sau 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày hạ tầng kỹ thuật đi ngầm hoàn thành, tất cả cáp viễn thông phải được ngầm hóa.

Điều 14. Quy định quản lý cáp viễn thông sau khi chỉnh trang, sắp xếp, làm gọn cáp viễn thông treo

1. Tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp trên các tuyến đường đã được thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các tổ chức treo cáp không đúng quy định trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp viễn thông treo.

b) Chủ động thông báo và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý các tổ chức treo cáp vi phạm quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối với các trường hợp treo cáp viễn thông ngoài bó cáp hoặc ngoài vòng treo trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, làm gọn, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thông báo và yêu cầu tổ chức sở hữu cáp viễn thông và tổ chức liên quan cắt bỏ, tiêu hủy số cáp nói trên; tổ chức sở hữu cáp viễn thông chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu hồi cáp đã bị cắt bỏ và khắc phục hệ thống thông tin liên lạc của tổ chức mình.

Điều 15. Xử lý công trình cáp viễn thông hư hỏng

1. Khi cáp viễn thông đứt hoặc tử cáp, hộp cáp, cống, bể, cột bị hư hỏng, tổ chức sở hữu phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin.

2. Khi cáp viễn thông treo qua đường bị đứt, hoặc gãy cột, tổ chức sở hữu cáp, cột có trách nhiệm trồng cột mới (*nếu cột bị gãy*) hoặc kéo dây gia cường để treo tạm không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường. Trong vòng 2 (hai) ngày khi có sự cố, tổ chức sở hữu cáp phối hợp với tổ chức quản lý cột có phương án và triển khai chỉnh trang gọn cáp viễn thông.

3. Đối với các trường hợp di dời công trình dùng chung cáp viễn thông (cột cống bể), tổ chức sở hữu công trình dùng chung cáp viễn thông có trách nhiệm thông báo đến các tổ chức sử dụng chung trước thời gian di dời ít nhất 07 (*bảy*) ngày. Tổ chức sở hữu công trình dùng chung có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức liên quan để xử lý cáp viễn thông trong trường hợp tổ chức sử dụng chung không phối hợp di dời đồng bộ.

4. Các tổ chức quản lý, sở hữu cột treo cáp và các tổ chức sử dụng cột treo cáp phải thiết lập đường dây nóng (số điện thoại liên hệ), thường trực 24/24h và báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, các bên phải phối hợp khắc phục, bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hàng năm xây dựng kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức có liên quan kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tháo dỡ, thu hồi cáp treo không đúng quy định, bị hỏng, không còn sử dụng.

Điều 17. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc rà soát, đối chiếu với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ; đồng thời phối hợp triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông đang treo hiện có, tạo điều kiện tốt nhất để kịp thời ngầm hóa các đoạn cáp viễn thông gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

Điều 18. Sở Xây dựng

1. Quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại đảm bảo các yêu cầu quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định. Khi quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, các khu đô thị, khu thương mại, khu dân cư phải kèm theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông như đường cống, bể, hào, hầm, tuynel kỹ thuật, cột treo cáp.

2. Thực hiện quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong đó có cáp viễn thông theo quy định về quản lý sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Chỉ đạo các tổ chức quản lý đô thị (*chiếu sáng*) cùng với các tổ chức thuê hạ tầng treo cáp triển khai sắp xếp, chỉnh trang các tuyến cáp viễn thông treo hiện có trên hệ thống cột điện chiếu sáng đúng các yêu cầu kỹ thuật. Cắt tỉa cành cây xanh để phục vụ việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông đang treo hiện có.

Điều 19. Sở Công Thương

Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt các hành vi vi phạm đối với hạ tầng cáp viễn thông vi phạm hành lang an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Sở Tài chính

Hàng năm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc chỉnh trang cáp viễn thông, thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp viễn thông treo không sử dụng, treo không đúng quy định.

Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì và phối hợp kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông trên địa bàn theo phân cấp.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp cáp viễn thông gây mất an toàn, mỹ quan đô thị; xử phạt đối với các hành vi vi phạm đối với việc lắp đặt cáp viễn thông vi phạm các quy định trên địa bàn.

3. Hàng năm có kế hoạch tỉa cành cây xanh trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý để phòng chống, khắc phục thiên tai và phục vụ việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông đang treo hiện có.

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất các tuyến đường thuộc quyền quản lý cần chỉnh trang hàng năm.

Điều 22. Các tổ chức quản lý hệ thống cột để lắp đặt cáp viễn thông

1. Quản lý, bảo trì hệ thống cột, có kế hoạch duy tu hệ thống cột, cải tạo và lắp đặt xà đỡ để đỡ các cáp viễn thông đang treo; thông kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các tổ chức sở hữu cáp viễn thông treo phối hợp xử lý, có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và đảm bảo an toàn. Thay thế cột cũ không đủ khả năng chịu lực, không đảm bảo mỹ quan.

2. Có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông gồm các nội dung: Tổ chức thuê cột; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột; điểm đầu - điểm cuối của tuyến đường đã thỏa thuận; số và ngày ký hợp đồng thuê cột.

3. Phối hợp với tổ chức có cáp viễn thông đang treo trên cột để cải tạo, sắp xếp các cáp viễn thông theo kế hoạch.

4. Tổ chức kiểm tra, phát hiện sự cố cột, các tình huống khẩn cấp, có biện pháp khắc phục đảm bảo an toàn.

5. Thông báo, phối hợp với các tổ chức liên quan tháo dỡ cáp viễn thông không xác định tổ chức sở hữu hoặc treo không đúng quy định trên cột treo cáp.

6. Thỏa thuận việc sử dụng cột đối với các tổ chức quản lý cáp viễn thông treo trên cột theo hợp đồng.

Điều 23. Các tổ chức sở hữu cáp viễn thông

1. Đầu tư, lắp đặt, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông đúng Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc chỉnh trang cáp viễn thông, thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp treo không sử dụng, cáp treo không đúng quy định.

Điều 24. Các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ quản lý cáp viễn thông có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm quy định này, định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, điều chỉnh Quy định cho phù hợp. / *sm*